

Ngày 28/8/2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: ông Vũ Xuân Dự và ông Vũ Đức Bính
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 80/2020/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1989, ĐKHKTT: xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: xóm 7B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt);
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1981; ĐKHKTT và trú tại: xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về phía nguyên đơn chị Phạm Thị N trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn V kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 4, xã K, là quê của anh Vinh. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn nên chị N và anh V đã sống ly thân từ tháng 10/2018.

Theo chị N: nguyên nhân mâu thuẫn là do chị phát hiện anh V chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần. Chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh V không thay đổi mà chửi bới, đánh đập chị, làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của chị và ảnh hưởng đến việc học hành của các con. Vì không thể chịu đựng được nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 7B, xã C, sống ly thân với anh V từ năm 2018. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không giải quyết được, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa; Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Công T, sinh ngày 04/11/2008 và Nguyễn Công T1, sinh ngày 30/3/2014, hiện đang đều

do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu sẽ được nuôi cháu T1, để anh V nuôi cháu T, hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn V: Mặc dù anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” do chị N khởi kiện do bố đẻ giao cho; nhưng anh không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của N; Không tham gia các giai đoạn tố tụng tiếp theo; không hợp tác làm việc với Tòa án.

Tuy nhiên trong biên bản sự việc ngày 08/6 và 15/7/2020 anh V trình bày: Mâu thuẫn giữa anh và chị N diễn ra trong thời gian dài, đến nay cũng không thể quay về chung sống với nhau được nữa; Do anh là người theo đạo Thiên chúa, không được phép ly hôn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh cũng xác định vợ chồng có 02 con chung, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi 01 con chung, chị N nuôi 01 con chung, cụ thể ai nuôi cháu nào anh sẽ có thỏa thuận với chị N sau.

Về tài sản: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Mặc dù anh V đã nhận được các văn bản tố tụng do tòa án tổng đạt. Nhưng anh V không đến Tòa án để tham gia tiếp cận chứng cứ cũng như hòa giải và xét xử.

Con chung của vợ chồng là Nguyễn Công T, sinh ngày 04/11/2008 thuộc trường hợp Tòa án phải hỏi ý kiến theo quy định có nguyện vọng được ở với chị N khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa chị N đề xuất hướng giải quyết về con chung nhất trí như quan điểm anh V đưa ra: giao anh V nuôi cháu T, còn chị nuôi cháu T1 hai bên không phải góp tiền nuôi con chung cho nhau.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn V; giao chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của Nguyễn Công T1, sinh ngày 30/3/2014; giao anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Công T, sinh ngày 04/11/2008; hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Văn V, cư trú tại xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn anh Nguyễn Văn V đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N xác định do anh V chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần. Mặc dù chị N đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh V không thay đổi mà còn đánh đập chửi bới chị làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của chị và việc học hành của các con, nên chị đã bỏ về nhà mẹ để sống ly thân, từ lâu hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Anh V cũng trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng không nêu rõ nguyên nhân mâu thuẫn là gì. Nhưng anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, vợ chồng không thể quay về chung sống với nhau được nữa, do anh là người theo đạo Thiên chúa, không được phép ly hôn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị N và anh V tại UBND xã K là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận do mâu thuẫn vợ chồng nên chị N đã bỏ về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở xóm 7B, xã C.

Như vậy chị N và anh V đều khẳng định giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn; tuy anh V không thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như chị N nêu nhưng cũng không phản bác lại quan điểm của chị N về nguyên nhân mâu thuẫn, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn; anh còn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định pháp luật vì tôn giáo anh theo không cho phép tñ ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị N, anh V hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị N giải quyết ly hôn anh V là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Anh V và chị N có hai con chung là Nguyễn Công T, sinh ngày 04/11/2008 và Nguyễn Công T1, sinh ngày 30/3/2014, hiện đang đều do chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, ban đầu chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh V đóng góp tiền nuôi con cho cháu T1 mỗi tháng 2 triệu đồng kể từ tháng 5/2020 đến khi cháu T1 thành niên. Sau khi có trao đổi thỏa thuận với anh V thì chị N yêu cầu được nuôi cháu T1 để anh V nuôi cháu T. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau.

Về phía anh V, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi 01 con chung, không nêu cụ thể là cháu nào, việc này anh trình bày sẽ tự thỏa thuận với chị N, nhưng anh không thực hiện.

Thực tế từ khi sống ly thân, cả hai con chung của vợ chồng do chị N một mình nuôi dưỡng từ đó đến nay nhưng để đảm bảo quyền lợi của các bên cũng như của các con chung thì việc giao cháu T1 còn nhỏ hơn cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T và hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn V.

2/ Về con chung: Giao chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Công T1, sinh ngày 30/3/2014 đến khi thành niên. Anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Công T, sinh ngày 04/11/2008 đến khi thành niên. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002340 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh